

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15/2016/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 28 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về mức trần thù lao công chứng
trên địa bàn tỉnh Bình Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Công chứng ngày 20 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về mức trần thù lao công chứng tại các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 2. Giao Sở Tư pháp phối hợp với Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện thu thù lao công chứng theo quy định tại Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tư pháp, Tài chính, Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy

ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Cao Thắng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về mức trần thù lao công chứng trên địa bàn tỉnh Bình Định
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2016/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về mức trần thù lao công chứng đối với việc đánh máy, soạn thảo hợp đồng, giao dịch; Văn bản thỏa thuận phân chia di sản; Văn bản khai nhận di sản; Di chúc; Dịch giấy tờ, văn bản và các việc khác liên quan đến việc công chứng do các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Bình Định thực hiện.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng nộp thù lao: Các tổ chức, cá nhân có yêu cầu thực hiện việc công chứng.
2. Đối tượng thu thù lao: Các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Bình Định.
3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu, nộp và quản lý thù lao công chứng trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Các tổ chức hành nghề công chứng phải đăng ký với cơ quan thuế, sử dụng hóa đơn do cơ quan thuế phát hành hoặc phải đăng ký hóa đơn với cơ quan thuế và phải thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định.

2. Việc thu, nộp kinh phí thù lao trong hoạt động công chứng bằng tiền đồng Việt Nam (VNĐ); Mức thu nộp được quy định tại Quy định này không bao gồm phí công chứng theo quy định hiện hành.

Điều 4. Quy định về tiêu chí xác định vụ việc có tính chất phức tạp trong việc soạn thảo hợp đồng, giao dịch và dịch giấy tờ, văn bản

1. Trường hợp văn bản thỏa thuận phân chia di sản và văn bản khai nhận di sản được coi là phức tạp khi có một trong các điều kiện sau:

- a. Thừa kế thế vị;
 - b. Có nhiều người (từ 05 người trở lên hoặc dưới 05 người nhưng có yếu tố nước ngoài) thỏa thuận phân chia, khai nhận di sản;
 - c. Có tài sản là bất động sản ở nhiều nơi (thuộc nhiều địa bàn cấp huyện khác nhau);
 - d. Cần có người làm chứng, người phiên dịch.
2. Trường hợp hợp đồng, giao dịch khác được coi là phức tạp khi có một trong các điều kiện sau:
- a. Các hợp đồng, giao dịch ít phổ biến (Không có mẫu hợp đồng trên phần mềm hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất không quy định hoặc không được liệt kê trong Bộ luật Dân sự);
 - b. Các hợp đồng, giao dịch về bất động sản mà có 02 tài sản thuộc nhiều địa bàn cấp huyện khác nhau hoặc có từ 03 tài sản trở lên;
 - c. Các hợp đồng về kinh doanh thương mại; hợp đồng, giao dịch có yếu tố nước ngoài;
 - d. Cần có người làm chứng, người phiên dịch;
 - đ. Quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình và số lượng thành viên hộ gia đình từ 05 người trở lên;
 - e. Có nhiều người (từ 05 người trở lên) tham gia hợp đồng, giao dịch.
3. Trường hợp được xem là phức tạp trong việc dịch giấy tờ, văn bản:
- a. Các loại giấy tờ, văn bản chưa được mẫu hóa;
 - b. Các loại giấy tờ, văn bản ít được lưu hành, mang tính chuyên ngành, kỹ thuật như: Quyết định của Tòa án; bản tuyên thệ; di chúc; hợp đồng kinh tế, dân sự; bản án; các văn bản chuyên ngành y khoa, kỹ thuật và các loại giấy tờ, văn bản có hình thức tương tự tính chất phức tạp trong việc soạn thảo hợp đồng, giao dịch và dịch giấy tờ, văn bản.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Mức thù lao soạn thảo và đánh máy các hợp đồng, giao dịch

1. Soạn thảo và đánh máy các hợp đồng, giao dịch từ 03 trang trở xuống:
 - a. Trường hợp đơn giản: 30.000 đồng;
 - b. Trường hợp phức tạp: 50.000 đồng.

2. Soạn thảo và đánh máy các hợp đồng, giao dịch từ 04 đến 06 trang:

a. Trường hợp đơn giản: 60.000 đồng;

b. Trường hợp phức tạp: 80.000 đồng.

3. Soạn thảo và đánh máy các hợp đồng, giao dịch từ 07 trang trở lên:

a. Trường hợp đơn giản: 100.000 đồng;

b. Trường hợp phức tạp: 140.000 đồng.

Điều 6. Mức thù lao soạn thảo và đánh máy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế; Văn bản khai nhận di sản

1. Trường hợp đơn giản: 100.000 đồng/văn bản, không tính số trang, bao gồm thù lao soạn thảo, đánh máy và thực hiện việc niêm yết;

2. Trường hợp phức tạp: 200.000 đồng/văn bản, không tính số trang, bao gồm thù lao soạn thảo, đánh máy và thực hiện việc niêm yết.

Điều 7. Mức thù lao soạn thảo và đánh máy Di chúc

Được áp dụng cho tất cả các trường hợp. Mức thu: 120.000 đồng/văn bản, không tính số trang.

Điều 8. Mức thù lao dịch giấy tờ, văn bản

1. Mức thù lao dịch giấy tờ, văn bản từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt:

a. Tiếng Anh, Hoa, Nga, Pháp:

- Trường hợp đơn giản mức thu: 50.000 đồng/trang;

- Trường hợp phức tạp mức thu: 70.000 đồng/trang.

b. Tiếng Hàn, Nhật, Đức:

- Trường hợp đơn giản mức thu: 70.000 đồng/trang;

- Trường hợp phức tạp mức thu: 100.000 đồng/trang.

c. Tiếng các nước khác: Tùy thuộc vào tiếng nước ngoài cần dịch, nhưng không quá 150.000 đồng/trang.

2. Mức thù lao dịch giấy tờ, văn bản từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài:

a. Tiếng Anh, Hoa, Nga, Pháp:

- Trường hợp đơn giản mức thu: 80.000 đồng/trang;

- Trường hợp phức tạp mức thu: 100.000 đồng/trang.

b. Tiếng Hàn, Nhật, Đức:

- Trường hợp đơn giản mức thu: 100.000 đồng/trang;

- Trường hợp phức tạp mức thu: 1200.00 đồng/trang.

c. Tiếng các nước khác: Tùy thuộc vào tiếng nước ngoài cần dịch, nhưng không quá 180.000 đồng/trang.

3. Mức thù lao dịch giấy tờ đối với trường hợp tài liệu, giấy tờ có nhiều trang thì mức thu như sau:

a. Đối với giấy tờ, văn bản có nhiều trang, thì từ trang thứ mười (10) trở đi sẽ tính bằng bảy mươi phần trăm (70%) mức thu đối với trường hợp đơn giản; tám mươi phần trăm (80%) mức thu đối với trường hợp phức tạp theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.

b. Trường hợp các giấy tờ, văn bản có nhiều trang mà nội dung các trang sau có tính chất đặc điểm tương tự như trang trước (như: Hộ khẩu, học bạ và các loại giấy tờ, văn bản khác có tính chất, đặc điểm này) thì từ trang thứ hai (02) trở đi sẽ tính bằng sáu mươi phần trăm (60%) mức thu theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này, trừ các loại giấy tờ, văn bản có chữ mang tính chuyên ngành, kỹ thuật.

c. Đơn vị tính thu thù lao dịch thuật là số trang hoặc tờ, bản của tài liệu, văn bản cần dịch (nội dung trang có thể bao gồm từ ngữ, hình ảnh, ký hiệu). Một trang văn bản cần dịch có số chữ tối đa là 350 chữ, đối với trang văn bản cần dịch là chữ tiếng Việt thì số chữ tối đa là 450 chữ.

4. Trường hợp nhân bản dịch giấy tờ thì thu mức 30% mức thu của bản dịch lần đầu.

Điều 9. Mức thù lao các việc khác liên quan đến việc công chứng

1. Trường hợp in ấn hợp đồng, giao dịch thì thu 1.000 đồng/trang nhưng tối đa không quá 50.000 đồng/trường hợp;

2. Sao chụp (photocopy) giấy tờ, văn bản liên quan đến hợp đồng, giao dịch mức thu: 1.000 đồng/01 trang giấy khổ A4; 2.000 đồng/01 trang giấy khổ A3; 3.000 đồng/01 trang giấy khổ A0.

Điều 10. Quy định về mức thù lao trong trường hợp thực hiện công chứng ngoài trụ sở tổ chức hành nghề công chứng

Trong trường hợp tổ chức, cá nhân yêu cầu thực hiện việc công chứng ngoài trụ sở của các tổ chức hành nghề công chứng thì ngoài mức thù lao được quy định tại Điều 4 đến Điều 8 của Quy định này, các tổ chức hành nghề công chứng thỏa thuận với người yêu cầu công chứng về khoản chi phí tàu xe, ăn nghỉ cho phù hợp với khả năng của các bên khi thực hiện công chứng.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Quy định về mức thu cụ thể và quản lý mức thu

1. Căn cứ vào mức trần thù lao được Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Quyết định này, các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh căn cứ tình hình thực tế quy định mức thu cho phù hợp nhưng không được vượt quá mức trần quy định tại Chương II của Quy định này; tiến hành việc niêm yết công khai mức thu thù lao tại nơi giao dịch để các tổ chức, cá nhân có nhu cầu công chứng, dịch thuật biết và thực hiện.

2. Các tổ chức hành nghề công chứng phải mở sổ sách kế toán để theo dõi, hạch toán chi phí, doanh thu các khoản thu dịch vụ công chứng theo đúng quy định về pháp luật kế toán thống kê theo nguyên tắc sau:

a. Đối với các Phòng Công chứng là các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện hạch toán kế toán thù lao công chứng theo quy định hiện hành của Nhà nước về thu chi hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

b. Đối với các Văn phòng công chứng thực hiện kế toán thù lao công chứng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Kế toán và các quy định khác có liên quan.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

Giao Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh tổ chức hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức thực hiện Quy định này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, các tổ chức hành nghề công chứng, cơ quan có liên quan kịp thời phản ánh đến Sở Tư pháp, Sở Tài chính để báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung Quy định cho phù hợp./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Cao Thắng